TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HS-ST
Ngày: 12 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Hoàng Việt;

Bà Tống Thị Kim Điền.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Vy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Như Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2019/HSST ngày 13 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/HSST-QĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo họ và tên:

Hà Minh S, tên gọi khác: /; giới tính: Nam; sinh năm 1992 tại Tp. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường T, khu phố H, phường Q, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; tạm trú: Khu phố F, phường K, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hà Hữu P và bà Trần Thị H1; có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011; tiền án: Bản án sơ thẩm số 44/2016/HSST ngày 19/8/2016 Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Tp. HCM xử phạt 02 (hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản và Bản án phúc thẩm số 694/2016/HSPT ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/3/2017; tiền sự: Không; về nhân thân: Bản án sơ thẩm số 991/2007/HSST ngày 13/11/2007 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/02/2010. Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 07/8/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Bà Tau Mỹ H, sinh năm 1974; địa chỉ: Đường P, phường T, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Phùng Yến L, sinh năm 1984; địa chỉ: Đường H, phường E, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1933; địa chỉ: Đường P, phường T, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hà Nguyễn Hồng A, sinh năm 1996; địa chỉ: Đường C, phường K, quận M, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Đỗ Thanh Q, sinh năm 1993; địa chỉ: Đường T, phường F, quận Y, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1986; địa chỉ: Đường G, phường M, quận F, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Hà Thị Mỹ L1, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường B, phường K, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Trần Minh T, sinh năm 1978; địa chỉ: Đường B, phường K, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Minh S và Nguyễn Thị Thu H2 sống chung với nhau như vợ chồng tại phòng trọ khu phố F, phường K, quận B. Vào khoảng 22 giờ ngày 05/8/2018, S nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Đến 01 giờ ngày 06/8/2018, S điều khiển xe máy hiệu Wave biển số 53Z1 – 1508 chở H2 đến hẻm đường P, phường T. Tại đây, S xuống xe, bảo H2 chạy xe máy về phòng trọ. H2 có hỏi S đi đâu, làm gì nhưng S chỉ nói H2 chạy xe về phòng trọ, không nói cho H2 biết là mình đi trộm cắp tài sản.

S một mình đi bộ vào hẻm đường P, khi đến phía sau nhà số 1135/25/1, S nhìn thấy cửa sổ phía sau lầu 01 chỉ khép lại, không khóa chốt bên trong. S nhặt cán xẻng bằng gỗ ở gần đó cạy bung cửa sổ, đu người lên cục nóng máy lạnh, đột nhập vào trong. S vào phòng ngủ của bà Trần Thị Đ (không có người), lấy cây kéo cắt chỉ cạy hộc tủ kệ đựng ti vi lấy một chai nước hoa, không rõ nhãn hiệu. Sau đó, S ra ngoài thấy cửa phòng ngủ thứ hai không khóa, bên trong bà Tau Mỹ H và chị Phùng Yến L đang ngủ nên bước vào lấy trộm 01 điện thoại Iphone X đang cắm sạc pin, 01 cái bóp bên trong có 01 giấy đăng ký xe máy, 01 thẻ ATM và số tiền 200.000 đồng, 01 máy tính xách tay đem ra để ở cầu thang lầu 1. Đi xuống tầng trệt, S nhìn thấy có 02 xe máy hiệu Airblade nên vào bếp lấy một cây kéo cạy mở ổ khóa xe máy biển số 59C2 – 689.68 nhưng không mở được, mũi kéo bị gãy mắc vào ổ khóa. Sau đó, S tiếp tục đi lên phòng ngủ của chị H, ở lầu 01 lấy chùm chìa khóa nhà, chìa khóa xe máy trên kệ đựng đồ rồi đi xuống tầng trệt mở cửa nhà, mở khóa xe máy biển số 59T2 – 034.08 dắt xe ra ngoài, nổ máy tẩu thoát.

S điều khiển xe máy vừa trộm được đến đường B, gọi điện thoại cho H2 chạy xe máy hiệu Wave biển số 53Z1 – 1508 đi cùng đến chung cư T, phường N, quận Y. Tại đây, S kêu H2 mang chiếc xe biển số 59T2 – 034.08 vừa trộm cắp được vào bãi xe gửi rồi cả hai chở nhau quay về phòng trọ ngủ. Đến 09 giờ cùng ngày, S mượn điện thoại của H2 gọi cho Đỗ Thanh Q nhờ bán xe; sau đó nhờ H2 đến chung cư T lấy chiếc xe giao cho Q. H2 và Q không hỏi về nguồn gốc xe máy và S cũng không nói cho H2, Q biết chiếc xe nhờ bán là do S trộm cắp mà có.

Phát hiện bị mất tài sản, chị H đến Công an phường Phú Thuận trình báo và cho biết xe máy biển số 59T2 – 034.08 có gắn thiết bị định vị. Khi H2 vừa lấy xe máy từ bãi giữ xe chung cư T nhằm mục đích giao cho Q mang đi bán thì bị công an bắt giữ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Hà Minh S khai nhận hành vi phạm tội. Chiếc xe gắn máy biển số 53Z1 – 1508 S mượn của vợ chồng chị Hà Thị Mỹ L1 (chị gái S), anh Trần Minh T sử dụng, rồi làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. S đã trả lại xe cho chị L1. Qua xác minh, xe do anh Trần Minh T đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Việc S sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, anh T, chị L1 không biết. Anh T, chị L1 đã bán xe máy trên cho người khác, không rõ lai lịch.

Bà Tau Mỹ H khai nhận: Bà bị mất tài sản gồm 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số 52T9 – 034.08, 01 điện thoại Iphone X. Ngoài ra, S lấy một máy tính xách tay, hiệu Dell từ trong phòng ngủ của bà để ở cầu thang; làm hư hỏng ổ khóa xe máy biển số 59C2 – 689.68, bà phải đi thay ổ khóa xe mới hết hơn 3.000.000 đồng. Bà H cho người thân sử dụng chiếc máy tính xách tay trên, không yêu cầu xử lý hành vi chiếm đoạt này; đối với số tiền thay ổ khóa xe bị hư do bị cáo dung kéo nạy, bà H không yêu cầu bồi thường.

Chị Phùng Yến L khai nhận: Ngày 06/8/2018, chị L đến ở nhà bà H chơi và bị mất 01 cái bóp cầm tay bên trong có 01 giấy đăng ký xe máy của chiếc xe biển số 83P1 – 562.49 và 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV và số tiền 2.200.000 đồng để trong bóp. S thừa nhận lấy trộm trong ngăn ngoài bóp da 01 giấy đăng ký xe, 01 thẻ ATM và số tiền 200.000 đồng. S không kiểm tra hết các ngăn còn lại của bóp, không lấy số tiền 2.000.000 đồng mà chị L để ở ngăn trong cùng. Lấy được tài sản, S vứt cái bóp dọc đường, không nhớ địa điểm nên không thu hồi được.

Bà Trần Thị Đ khai nhận: bà Đ sống cùng con gái là bà Tau Mỹ H. Ngày 06/8/2018, bà Đ đang đi chơi nhà người thân tại tỉnh Tây Ninh. Ngày 08/8/2018, bà Đ về nhà, phát hiện bị mất tài sản gồm: 01 đôi bông tai vàng 18K, 07 phân có gắn một hột đá giả màu trắng; 01 đôi bông tai vàng 14K khoảng gần 01 chỉ có gắn hột đá giả màu xanh; 02 chai dầu gió xanh hiệu con ó của Singapor; 01 chai nước hoa hiệu Channel 100ml; 01 chai nước hoa không rõ nhãn hiệu, 50ml. Những tài sản này để trong hộc tủ của kệ Tivi trong phòng ngủ. Các tài sản bị mất bà không có hóa đơn chứng từ, nhưng theo bà Đ tổng giá trị những tài sản này là khoảng 8.800.000 đồng. S chỉ thừa nhận lấy của bà Đ 01 chai nước hoa, không rõ nhãn hiệu đem về phòng trọ. Sau khi S bị bắt, chủ nhà lấy lại phòng, không thu hồi được.

Theo Kết luận định giá tài sản số 278/KL-HĐĐGTTHS ngày 21/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7:

"- 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số 52T9 – 034.08 đang sử dụng, tại thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng);

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X đang sử dụng, tại thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng)."

Bà Tau Mỹ H không đồng ý với kết luận định giá điện thoại di động hiệu Iphone X có giá trị 9.000.000 đồng. Đồng thời, cung cấp hóa đơn chứng minh giá trị điện thoại tại thời điểm mua ngày 16/12/2017. Ngày 07/3/2019, Cơ quan điều tra có văn bản yêu cầu định giá lại điện thoại di động hiệu Iphone X.

Theo Kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTTHS ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7*:*

"01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen, 256 GB đang sử dụng, tại thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng)."

Theo văn bản số 18/HĐĐGTTHS ngày 08/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7: 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng khoảng 7 phân, có gắn hột đá giả màu trắng; 01 đôi bông tai vàng 14K trọng lượng khoảng 01 chỉ, có gắn hột đá giả màu xanh; 02 chai dầu gió xanh hiệu con ó; 02 chai nước hoa do các tài sản không thu hồi được, không rõ đặc điểm hay nhãn hiệu, không có hóa đơn chứng từ, chưa có kết quả giám định của cơ quan có thẩm quyền về lĩnh vực kim khí quý nên Hội đồng không thể tiến hành định giá theo quy định.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số 52T9 – 034.08 là tài sản bị S chiếm đoạt, qua xác minh xe do chị Hà Nguyễn Hồng A đứng tên chủ sở hữu, chị Hồng A hiện đang đi du học tại Nhật Bản nên đã giao xe cho bà Tau Mỹ H (là dì ruột) quản lý, sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone X là tài sản của chị H bị S chiếm đoạt. Ngày 26/9/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe Honda Airblade biển số 52T9 – 034.08 và chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X cho bà H.

- 01 giấy đăng ký xe máy biển số 83P1 – 562.49 và 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV. Ngày 26/9/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Phùng Yến L.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của chị Nguyễn Thị Thu H2; 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 thu giữ của anh Đỗ Thanh Q. Cơ quan điều tra trả lại những tài sản này cho chị H2, anh Q.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Tau Mỹ H nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu gì khác.

- Chị Phùng Yến L yêu cầu S bồi thường số tiền 2.200.000 đồng. Đối với cái bóp cầm tay, chị L được người khác tặng, đã sử dụng, cũ nên không có yêu bồi thường.

- Bà Trần Thị Đ không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bản Cáo trạng số 92/CT-VKSQ7 ngày 10/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Hà Minh S về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Bị cáo khai nhận do thiếu tiền tiêu xài nên đi tìm những nhà sơ hở lẻn vào trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 06/8/2018 bị cáo lẻn vào phía sau nhà số 1135/25/1, lấy trộm các tài sản: Điện thoại di động hiệu Iphone X đang cắm sạc pin, 01 cái bóp bên trong có 01 giấy đăng ký xe máy, 01 thẻ ATM, số tiền 200.000 đồng và chiếc xe máy biển số 59T2 – 034.08 rồi tẩu thoát. Bị cáo không nói cho H2 biết bị cáo đi trộm cắp, không nói cho H2 biết chiếc xe gắn máy và các tài sản bị cáo mang về là tài sản trộm cắp được. Bị cáo không biết ngăn trong bóp của chị L có số tiền 2.000.000 đồng nên đã vứt bỏ dọc đường, chị L yêu cầu bồi thường số tiền chị để bóp 2.200.000 đồng bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này cho chị L.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đối với hành vi lấy máy tính xách tay của chị H từ trong phòng ngủ ở lầu 1 để ở cầu thang, do bị cáo chưa dịch chuyển tài sản này ra khỏi nhà nên chưa đủ căn cứ xử lý đối với hành vi chiếm đoạt tài sản này.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Tau Mỹ H, bà Trần Thị Đ không có yêu cầu gì đối với bị cáo; chị Phùng Yến L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền chị để trong bóp bị lấy mất là 2.200.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận, buộc bị cáo bồi thường số tiền này cho chị L.

Xử lý vật chứng: Cơ qua điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị Thu H2 do không biết chiếc xe bị cáo S đi trộm cắp mà có nên đi cùng S đến chung cư T gửi xe, sau đó lấy chiếc xe giao cho Q mang đi bán; Đỗ Thanh Q không biết chiếc xe máy biển số 52T9 – 034.08 là tài sản trộm cắp mà có nên đã đồng ý bán giúp S nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với H2 và Q là có căn cứ.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, không tự bào chữa, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là cái bóp bên trong có giấy đăng ký xe, thẻ ATM và số tiền 200.000 đồng của chị L; 01 chiếc xe máy hiệu Honda Airblade biển số 52T9 – 034.08 và chiếc điện thoại hiệu Iphone X của bà H; 01 chai nước hoa, không rõ nhãn hiệu của bà Trần Thị Đ một cách trái pháp luật. Theo Kết luận định giá tài sản số 278/KL-HĐĐGTTHS ngày 21/8/2018 và Kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTTHS ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7 chiếc xe máy bị cáo chiếm đoạt có giá trị 35.000.000 đồng, chiếc điện thoại hiệu Iphone X màu đen 256 GB có giá trị 17.000.000 đồng. Đối với chai nước hoa của bà Đ do không xác định được nhãn hiệu, bà Đ không còn lưu giữ chứng từ nên không đủ căn cứ để định giá. Do đó, đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp Tái phạm theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần có mức án nghiêm

khắc, phù hợp mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Song xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Đối với những tài sản: 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng khoảng 7 phân, có gắn hột đá giả màu trắng; 01 đôi bông tai vàng 14K trọng lượng khoảng 01 chỉ, có gắn hột đá giả màu xanh; 02 chai dầu gió xanh hiệu con ó; 02 chai nước hoa bà Trần Thị Đ khai bị mất; bị cáo chỉ thừa nhận lấy trộm 01 chai nước hoa, không thừa nhận lấy trộm các tài sản khác của bà Đ. Ngoài lời khai của bà Đ, Cơ quan điều tra chưa thu thập được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh bị cáo đã lấy trộm các tài sản khác của bà Đ nên kiến nghị tiếp tục thu thập chứng cứ làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Thu H2 ban đầu H2 khai biết chiếc xe và điện thoại bị cáo mang về là tài sản trộm cắp; sau đó thay đổi lời khai, H2 khai không biết S đi trộm cắp tài sản nên đã chở S đến hẻm đường P, phường T; không biết xe máy biển số 52T9 – 034.08 là tài sản do trộm cắp mà có nên đồng ý đi cùng S đến chung cư T gửi xe và lấy xe giao cho Q đi bán; bị cáo S khai việc bị cáo đi trộm cắp tài sản cũng như nhờ H2 mang xe đi gởi, lấy xe giao cho Q bị cáo không nói cho H2 biết. Ngoài lời khai ban đầu của H2, không có các tài liệu chứng cứ khác nên kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục thu thập chứng cứ làm rõ, xử lý sau.

Đối với Đỗ Thanh Q, do không biết xe máy biển số 52T9 – 034.08 là tài sản trộm cắp mà có nên đã đồng ý bán giúp S. Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Xử lý vật chứng:

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số 52T9 – 034.08, qua xác minh xe do chị Hà Nguyễn Hồng A đứng tên đăng ký chủ sở hữu; chị A hiện đang đi du học tại Nhật Bản nên giao cho bà H (dì ruột) quản lý, sử dụng; 01 điện thoại hiệu Iphone X, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi trả lại xe, điện thoại trên cho bà H là có căn cứ.

- 01 giấy đăng ký xe máy biển số 83P1 – 562.49 và 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV của chị L, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị L là có căn cứ.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của Nguyễn Thị Thu H2; 01 điện thoại Nokia và 01 điện thoại hiệu Iphone 8 thu giữ của Đỗ Thanh Q; Cơ quan điều tra trả lại cho chị H2, anh Q nên không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà H, bà Đ đã nhận lại tài sản, quá trình điều tra không có yêu cầu gì, tại phiên tòa vắng mặt nên không xét.

Chị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.200.000 đồng của chị để trong bóp, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận, buộc bị cáo phải bồi thường cho chị L số tiền 2.200.000 đồng này.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Minh S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Hà Minh S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2018.

2. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 585, 587 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Hà Minh S phải bồi thường cho chị Phùng Yến L số tiền 2.200.000 (hai triệu, hai trăm ngàn) đồng.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu bị cáo phải thi hành án khoản tiền bồi thường nêu trên; nếu bị cáo chậm thi hành thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Vy).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong